

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Hội đồng quản lý), mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan quản lý cấp trên; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Hội đồng quản lý thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Hội đồng quản lý có từ 05 đến 11 thành viên, trong đó có Chủ tịch, Thư ký và các thành viên khác. Nhiệm kỳ của Chủ tịch, Thư ký và các thành viên khác của Hội đồng quản lý không quá 05 (năm) năm.

2. Thành phần Hội đồng quản lý

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý là đại diện lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đại diện cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đại diện cơ quan cấp trên của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp; Chủ tịch Hội đồng quản lý không đồng thời là người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đại diện cơ quan quản lý cấp trên và cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp công lập) hoặc đại diện lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng là đại diện cơ quan quản lý cấp trên, cấp trên trực tiếp);

c) 01 đại diện cấp ủy (không bao gồm thành viên cấp ủy là Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký Hội đồng quản lý), Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Đại diện lãnh đạo một số phòng, ban trực thuộc của đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có). Trường hợp không có tổ chức trực thuộc thì cử đại diện viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập tham gia Hội đồng quản lý;

đ) Thư ký Hội đồng.

3. Số lượng, cơ cấu, thành phần cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý do cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý quyết định.

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Quyết định của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng hình thức Nghị quyết. Nghị quyết của Hội đồng quản lý được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng tham dự biểu quyết nhất trí thông qua. Hình thức biểu quyết được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

2. Hội đồng quản lý họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý hoặc người đứng đầu cơ quan trực tiếp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập hoặc của ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản lý. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý được coi là họp lệ khi có ít nhất hai phần ba số thành viên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng hoặc 01 thành viên của Hội đồng quản lý được Chủ tịch Hội đồng phân công hoặc ủy quyền điều hành cuộc họp. Các cuộc họp phải ghi thành biên bản, có chữ ký của Thư ký và người chủ trì cuộc họp. Trường hợp Thư ký vắng mặt tại cuộc họp thì Chủ tịch Hội đồng (hoặc người được Chủ tịch Hội đồng phân công hoặc ủy quyền điều hành cuộc họp) phân công 01 thành viên khác của Hội đồng quản lý thực hiện nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng.

3. Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên, cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập trong Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Chủ tịch Hội đồng quản lý hoạt động theo chế độ chuyên trách (nếu là viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập) hoặc kiêm nhiệm (nếu là công chức, viên chức của cơ quan quản lý cấp trên, cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập).

4. Hội đồng quản lý được sử dụng con dấu và bộ máy tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai công việc của Hội đồng quản lý.

5. Hội đồng quản lý hoạt động theo quy chế hoạt động được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

Điều 6. Quan hệ công tác

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết trước Hội đồng quản lý;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho các cuộc họp Hội đồng quản lý;

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm định kỳ hoặc đột xuất báo cáo các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Hội đồng quản lý;

đ) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản lý.

2. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên

a) Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Hội đồng quản lý có trách nhiệm định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan quản lý cấp trên các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Cơ quan quản lý cấp trên thông qua hoặc có ý kiến đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

Điều 7. Quy chế hoạt động

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Các quy định chung;

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý;

c) Số lượng, cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý;

d) Nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý;

đ) Cơ chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

e) Mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên và với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Các quy định khác đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý xây dựng hoặc đề nghị sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý

a) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động hàng quý và hàng năm của Hội đồng quản lý;

b) Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, tài liệu cuộc họp, triệu tập và chủ trì cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý;

c) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Hội đồng quản lý;

d) Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý theo quy định;

đ) Lãnh đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý, kế hoạch, việc triển khai quy chế dân chủ trong các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, kết quả quản lý điều hành của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý quy định tại Điều 3 Thông tư này;

h) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thư ký Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên khác của Hội đồng quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều này và trực tiếp giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý những nhiệm vụ sau đây:

a) Tổng hợp thông tin về hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý; chuẩn bị chương trình nghị sự, tài liệu, giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp của Hội đồng quản lý; xây dựng, hoàn chỉnh, lưu trữ các văn bản của Hội đồng quản lý;

b) Chuẩn bị các báo cáo, văn bản giải trình với cơ quan nhà nước và các cơ quan có liên quan theo nhiệm vụ, chức năng của Hội đồng quản lý;

c) Các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý giao và theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên khác của Hội đồng quản lý

a) Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý phân công; các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

b) Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động hàng quý, hàng năm của Hội đồng quản lý;

c) Đề xuất với Chủ tịch Hội đồng quản lý nội dung và các vấn đề cần thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản lý;

d) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý, góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý;

đ) Theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý theo phân công;

e) Được cung cấp các thông tin, tài liệu phục vụ công tác của Hội đồng quản lý.

Chương III

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý

1. Thành viên Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Là công chức hoặc viên chức và đủ tuổi công tác ít nhất một nhiệm kỳ;

b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để đảm nhận công việc;

c) Không trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật hoặc trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật;

d) Có trình độ từ đại học trở lên phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Không phải là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời phải đáp ứng các tiêu chuẩn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật và quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 10. Thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý

Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập bổ nhiệm.

Điều 11. Điều kiện miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý bị miễn nhiệm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân có đơn xin thôi tham gia Hội đồng quản lý;

b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- c) Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao và đã phải nghỉ làm việc để điều trị quá 06 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;
- d) Không đủ năng lực, uy tín;
- đ) Theo yêu cầu nhiệm vụ;
- e) Bị Tòa án kết tội bằng bản án có hiệu lực của pháp luật;
- g) Có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên của Hội đồng quản lý kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm;
- h) Vi phạm quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;
- i) Chuyển công tác hoặc nghỉ hưu, thôi việc theo quy định;
- k) Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách nhưng uy tín giảm sút không thể đảm nhiệm chức vụ được giao;
- l) Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một nhiệm kỳ hoặc trong thời gian bổ nhiệm;
- m) Có trên hai phần ba số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định;
- n) Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;
- o) Các trường hợp khác theo quy định của Đảng và pháp luật.

2. Người có thẩm quyền bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý tại Điều 10 Thông tư này xem xét, quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2023.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT).
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

Hội đồng quản lý đã được thành lập theo quy định của Thông tư số 05/2018/TT-BGTVT tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ GTVT;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Duy Lâm